

# **HIỆP ĐỊNH FTA VIỆT NAM – HÀN QUỐC CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC**

---

**Phạm Khắc Tuyên,  
Trưởng phòng Đông Bắc Á,  
Điều phối viên Hiệp định VKFTA  
Vụ Thị trường Châu Á – Thái Bình Dương,  
Bộ Công Thương**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 5 năm 2015*

# MỤC LỤC

I

Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA) và FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

II

Tác động từ Hiệp định AKFTA & VKFTA

III

Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

IV

Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang Hàn Quốc

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định AKFTA và VKFTA

## Hiệp định khu vực thương mại tự do ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA)

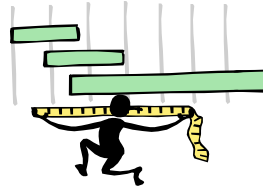
### ② Hiệp định thương mại dịch vụ

(ký tháng 11/2007,  
có hiệu lực từ tháng 5/2009)



### ① Hiệp định thương mại hàng hóa

(ký tháng 8/2006,  
có hiệu lực từ tháng 6/2007)



### ③ Hiệp định đầu tư

(ký tháng 6/2009,  
có hiệu lực từ tháng 9/2009)



# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định AKFTA và VKFTA

## Thương mại hàng hóa (AKFTA)

- Tóm tắt cam kết



Việt Nam cam kết giảm và cắt bỏ hoàn toàn hầu hết các dòng thuế trong danh mục NT vào năm 2016, chậm hơn 6 năm so với các nước ASEAN 6 và Hàn Quốc, với một số dòng thuế có thời hạn cắt giảm linh hoạt đến năm 2018.



Việt Nam cam kết giảm tất cả các dòng thuế SL xuống còn 20% không chậm hơn năm 2017 và sau đó xuống còn 0 – 5% không chậm hơn năm 2021. Về phía Hàn Quốc (và ASEAN 6), lộ trình ngắn hơn, tương ứng là năm 2012 và năm 2016.



Đối với Việt Nam, thời hạn thực hiện Lộ trình cắt giảm thuế quan của Việt Nam chậm hơn 6 năm so với các nước ASEAN 6 (thời hạn này trong đàm phán ASEAN-Trung Quốc là 5 năm). Lịch trình cắt giảm, loại bỏ thuế quan theo Lộ trình NT của Việt Nam cũng linh hoạt hơn so với ASEAN 6 và Hàn Quốc cả về mức độ lẫn thời gian cắt giảm.

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định AKFTA và VKFTA

## Thương mại dịch vụ AKFTA

### - Tóm tắt cam kết

#### Việt Nam

- Việt Nam mở cửa thị trường dịch vụ cho Hàn Quốc ở 11 lĩnh vực và khoảng gần 110 tiểu lĩnh vực trong tổng số 12 lĩnh vực và 155 tiểu lĩnh vực theo phân loại của WTO, bao gồm: (i) Dịch vụ kinh doanh, (ii) Dịch vụ viễn thông, (iii) Dịch vụ xây dựng và các dịch vụ cơ khí liên quan, (iv) Dịch vụ phân phối, (v) Dịch vụ giáo dục, (vi) Dịch vụ môi trường, (vii) Dịch vụ tài chính, (viii) Dịch vụ xã hội và liên quan đến y tế, (ix) Dịch vụ liên quan đến du lịch và lữ hành, (x) Dịch vụ văn hóa, thể thao và giải trí, (xi) Dịch vụ vận tải.

#### Hàn Quốc

- Hàn Quốc cam kết mở cửa thị trường dịch vụ cho ASEAN trong 11 lĩnh vực và khoảng gần 110 tiểu lĩnh vực, bao gồm: (i) Dịch vụ kinh doanh, (ii) Dịch vụ viễn thông, (iii) Dịch vụ xây dựng, (iv) Dịch vụ phân phối, (v) Dịch vụ giáo dục (vi) Dịch vụ môi trường, (vii) Dịch vụ tài chính, (viii) Dịch vụ liên quan đến du lịch và lữ hành, (ix) Dịch vụ văn hóa, thể thao và giải trí, (x) Dịch vụ vận tải, và (xi) Các dịch vụ khác không được phân nhóm.

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định AKFTA và VKFTA

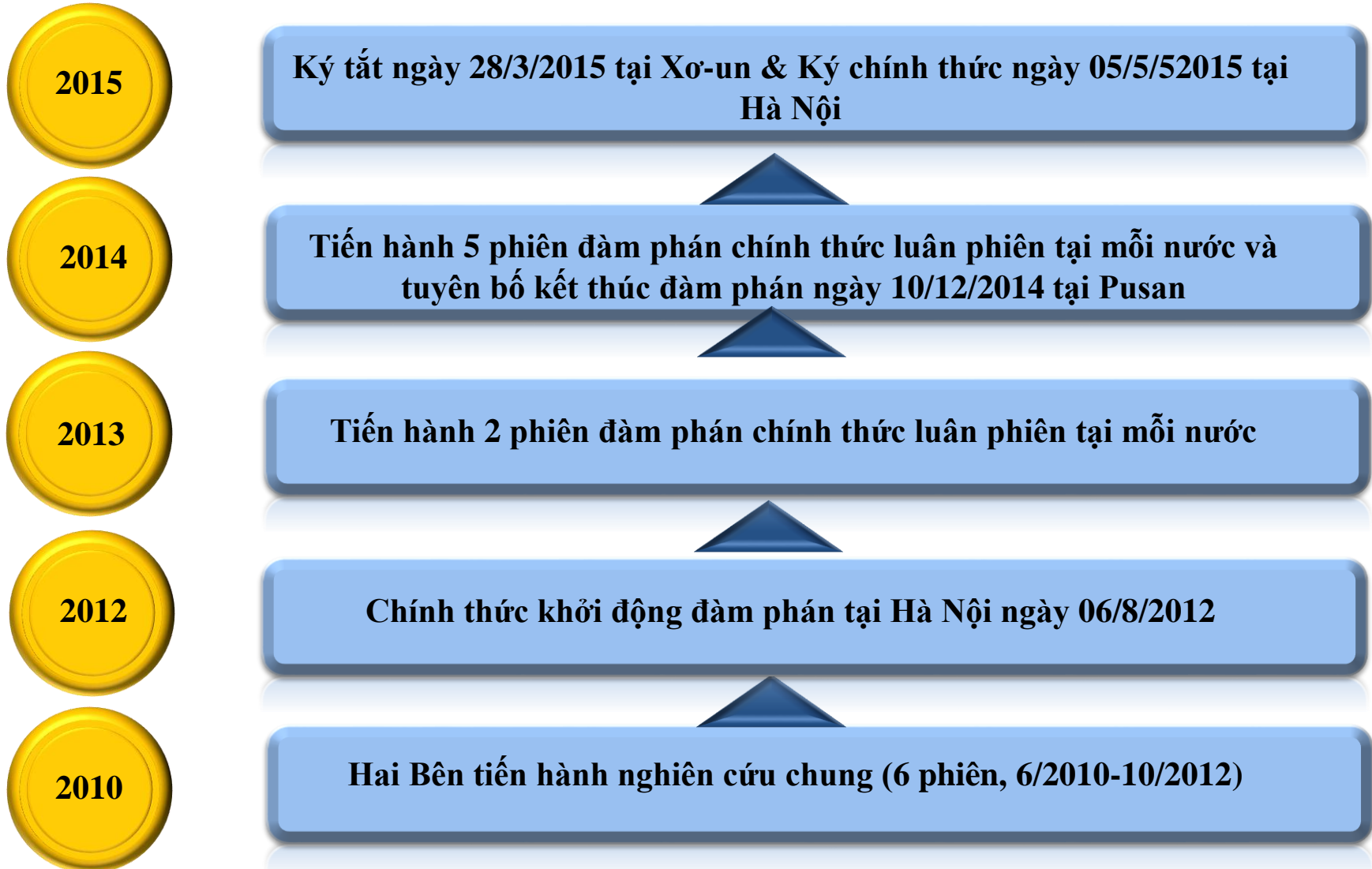
## Đầu tư (AKFTA)

*- Tóm tắt cam kết*

Tương tự các Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư khác và chương đầu tư trong các hiệp định thương mại tự do, Hiệp định đầu tư không chỉ điều chỉnh các nghĩa vụ bảo hộ đầu tư cơ bản mà còn cả các nội dung sâu hơn của bảo hộ. Tuy nhiên, Hiệp định đã hoãn áp dụng một số nội dung, ví dụ quy định đối xử quốc gia (NT), tối huệ quốc (MFN), và việc cấm đưa ra các yêu cầu về kết quả hoạt động.

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

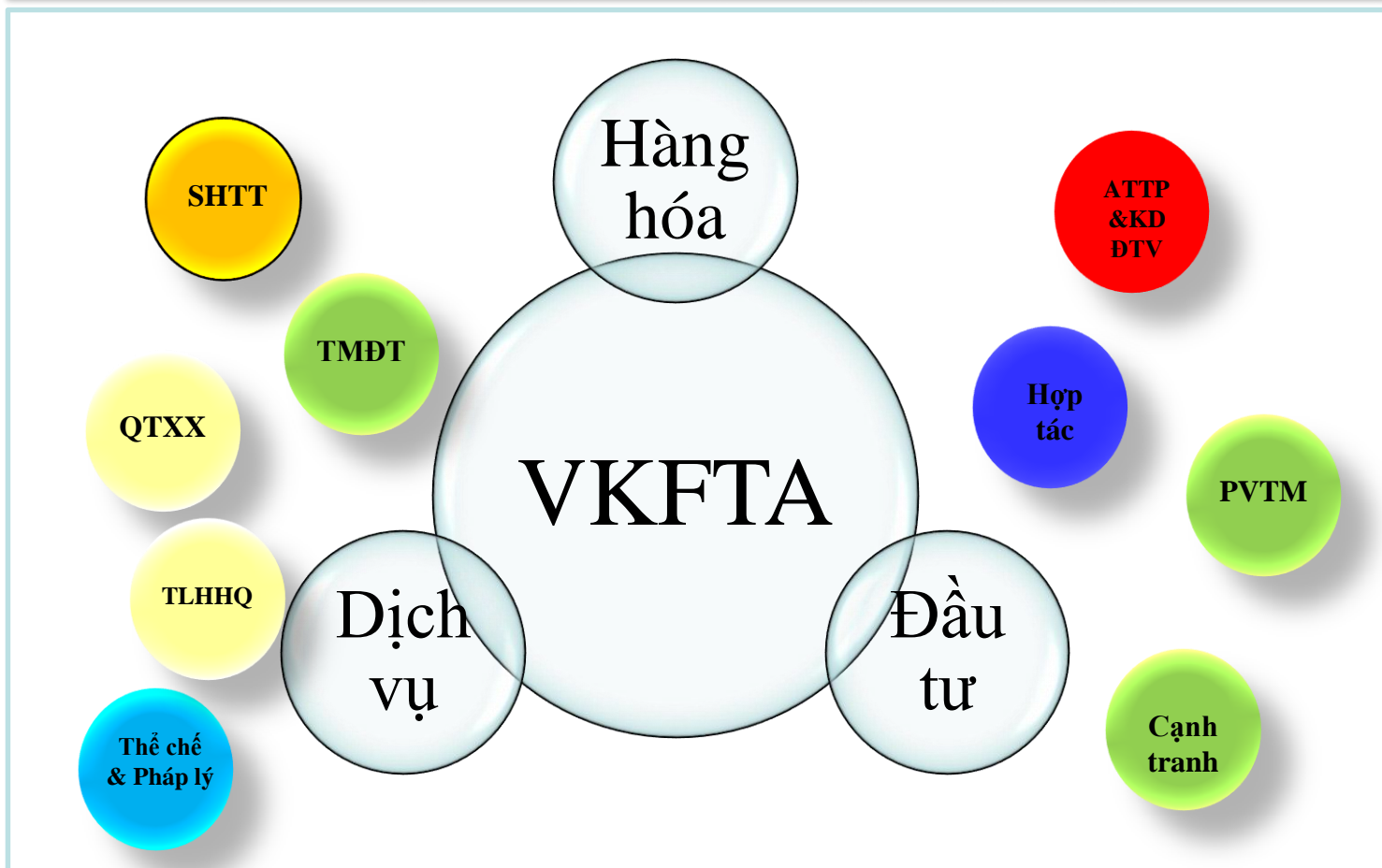
## Tiến trình đàm phán Hiệp định VKFTA



# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định AKFTA và VKFTA

## Nội dung chính Hiệp định VKFTA

17 Chương, 208 Điều, 15 Phụ lục và 01 Thỏa thuận thực thi các cam kết về hợp tác kinh tế





# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

## Thương mại dịch vụ (VKFTA)

- Việt Nam chấp nhận cam kết đối với một số nội dung mới như hệ thống thanh toán bù trừ và dịch vụ tài chính mới.

### Phụ lục Tài chính



- Điều chỉnh các biện pháp, các chính sách và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thương mại dịch vụ và mạng viễn thông công cộng.

### Phụ lục Viễn thông



- Hàn Quốc cam kết các nội dung về quản lý, cấp phép, minh bạch hóa,... đặc biệt là cơ chế hợp tác, tham vấn.

### Phụ lục Di chuyển thể nhân



- Được điều chỉnh cho phù hợp hơn với bối cảnh song phương nhưng không tạo ra các nghĩa vụ cao đối với Việt Nam

### Lời văn Chương, lời văn các Phụ lục



# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

## Thương mại dịch vụ (VKFTA)

- Tóm tắt cam kết

### Việt Nam

- Việt Nam mở cửa hơn cho Hàn Quốc so với cam kết WTO và Hiệp định AKFTA trong 2 phân ngành: i) Dịch vụ quy hoạch đô thị và kiến trúc cảnh quan đô thị; và ii) Dịch vụ cho thuê máy móc và thiết bị khác không kèm người điều khiển.

### Hàn Quốc

- Hàn Quốc mở cửa thêm cho Việt Nam so với cam kết trong Hiệp định AKFTA đối với 5 phân ngành: i) Dịch vụ pháp lý; ii) Dịch vụ chuyển phát; iii) Dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa đường sắt; iv) Dịch vụ hỗ trợ dịch vụ vận tải đường sắt; v) Dịch vụ nghiên cứu và phát triển khoa học tự nhiên.

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

## Đầu tư (VKFTA)

### - Tóm tắt cam kết

Chương Đầu tư là một trong những Chương quan trọng của Hiệp định VKFTA với phạm vi áp dụng rộng và sâu hơn Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư VN – HQ và Hiệp định Đầu tư trong Hiệp định FTA ASEAN – Hàn Quốc (AKFTA) gồm các quy định về đối xử quốc gia (NT), tối huệ quốc (MFN), Nhân sự quản lý cao cấp (SMBD), Cấm đưa ra các yêu cầu về kết quả hoạt động, Tước quyền sở hữu, Bồi thường thiệt hại, Chuyển tiền, Thế quyền, Từ chối lợi ích,... Riêng đối với các biện pháp không phù hợp, hai Bên nhất trí xây dựng Danh mục bảo lưu về các quy định pháp luật của mỗi Bên mà không phù hợp với các quy định về NT, MFN, PR, SMBD. Các danh mục này sẽ được xây dựng trong vòng 1 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

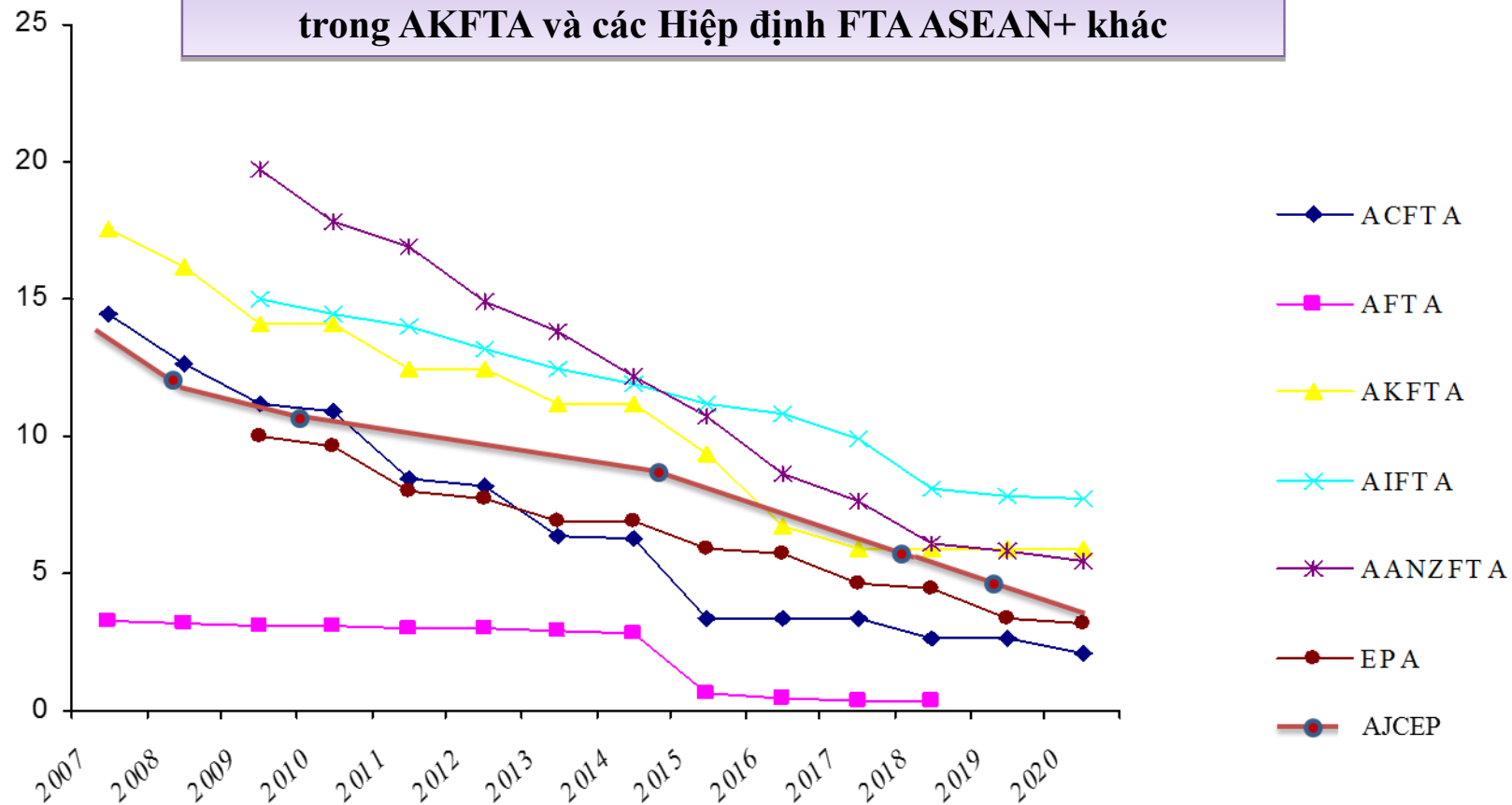
## Hàng hóa (VKFTA)

### - Về mức cam kết chung

	AKFTA	VKFTA
<b>Mức độ cam kết của Hàn Quốc</b>	- Giá trị nhập khẩu: 91,7% - Số dòng thuế: 91,3%	- Giá trị nhập khẩu: 97,2 % - Số dòng thuế: 95,4%
<b>Mức độ cam kết của Việt Nam</b>	- Giá trị nhập khẩu: 86,3% - Số dòng thuế: 87,1%	- Giá trị nhập khẩu: 92,7% - Số dòng thuế: 89,2%

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định AKFTA và VKFTA

**Biểu đồ so sánh thuế suất bình quân giản đơn theo cam kết trong AKFTA và các Hiệp định FTA ASEAN+ khác**



Nguồn: Lập theo số liệu của Bộ Tài chính.

**Cam kết trong AKFTA cao hơn cam kết của Việt Nam trong các Hiệp định FTA ASEAN+ khác và thấp hơn so với ACFTA**

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

## Hàng hóa

### - Về mức cam kết cụ thể của Hàn Quốc

Hàn Quốc dành cho Việt Nam ưu đãi cắt, giảm thuế quan, tạo cơ hội xuất khẩu mới quan trọng đối với các nhóm hàng nông, thủy sản chủ lực như tôm, cua, cá, hoa quả nhiệt đới, và hàng công nghiệp như dệt may, đồ gỗ, sản phẩm cơ khí... Việt Nam là đối tác FTA đầu tiên được Hàn Quốc mở cửa thị trường đối với những sản phẩm hết sức nhạy cảm trong nước như tỏi, gừng, mật ong, khoai lang... (thuế suất những mặt hàng này rất cao từ 241-420% do đặc biệt nhạy cảm với Hàn Quốc).

Ví dụ với mặt hàng tôm, Hàn Quốc miễn thuế cho Việt Nam với lượng hạn ngạch 10 nghìn tấn/năm và tăng dần trong 5 năm đến mức 15 nghìn tấn/năm miễn thuế, trong khi hiện nay Việt Nam chỉ tận dụng được 2.500 tấn/năm miễn thuế trong tổng số 5.000 tấn/năm dành cho 10 nước ASEAN).

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

## HẠN NGẠCH THUẾ QUAN CỦA HÀN QUỐC ĐỐI VỚI MẶT HÀNG TÔM

Năm	Lượng (Tấn)
1	10.000
2	11.000
3	12.100
4	13.310
5	14.641
6	15.000

Sau năm thứ sáu, số lượng trong hạn ngạch sẽ duy trì như lượng của năm thứ sáu;

(b) Thuế hải quan của hàng hoá được nhập khẩu với tổng lượng vượt quá lượng được liệt cần phải theo quy định phù hợp với lộ trình “E” trong Lộ trình cắt giảm thuế quan của Hàn Quốc.

(c) Áp dụng đối với những mã HSK sau đây: 0306161090, 0306169090, 0306171090, 0306179090, 0306261000, 0306271000, và 1605219000.

# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

## Hàng hóa

- Về mức cam kết cụ thể của Việt Nam

**Cam kết đối với 200 mặt hàng, có KNNK từ Hàn Quốc là 737 triệu USD:**

1. Nguyên phụ liệu dệt may, da giày (31 dòng): KNNK 434 triệu USD/năm
2. Động cơ, linh kiện, phụ tùng ô tô (33 dòng): KNNK 96 triệu USD/năm
3. Nguyên liệu nhựa: (8 dòng): KNNK 49 triệu USD/năm
4. Điện gia dụng (15 dòng): KNNK 12,5 triệu USD/năm
5. Máy móc thiết bị (ắc quy, máy biến thế, động cơ điện) (16 dòng): KNNK 14 triệu USD/năm
6. Ô tô (1 dòng xe tải trên 10 tấn, 1 dòng ô tô con trên 3000cc): KNNK 4,6 triệu USD/năm
7. Sản phẩm & linh kiện điện tử (31 dòng): KNNK 33 triệu USD/năm
8. Mỹ phẩm (7 dòng): KNNK 12,7 triệu USD/năm
9. Dược phẩm (6 dòng): KNNK 0,25 triệu USD/năm
11. Dây điện, cáp điện (4 dòng): KNNK 3,2 triệu USD/năm
12. Hàng hóa khác (29 dòng): KNNK 67,7 triệu USD/năm



# Sơ lược tiến trình đàm phán, ký kết và các nội dung chính của Hiệp định FTA Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA)

## Hợp tác, quy tắc và thể chế



### Hợp tác kinh tế

- Hợp tác kinh tế là một trong những Chương mang lại lợi ích cụ thể và được Việt Nam quan tâm trong suốt quá trình đàm phán
- Các lĩnh vực hợp tác, dự án hợp tác cụ thể, bố trí kinh phí và phương thức thực hiện cụ thể đối với từng dự án sẽ được thể hiện trong Thỏa thuận thực thi của Chương. Kinh phí thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế ước tính khoảng 5.000.000\$



### Các biện pháp An toàn thực phẩm và Kiểm dịch động thực vật – SPS

- Việc đạt được thỏa thuận về một Chương SPS riêng biệt là một thắng lợi quan trọng của Đoàn đàm phán Việt Nam sau một thời gian dài kiên quyết và kiên trì đàm phán.
- Các cam kết của Chương SPS hướng tới mục tiêu thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác, tăng cường năng lực và tham vấn giải quyết các vướng mắc liên quan đến vệ sinh an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật trong tương lai phát sinh từ thương mại nông sản giữa Việt Nam – Hàn Quốc



### Quy tắc, thể chế

- Các cam kết khác về sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, phòng vệ thương mại, giải quyết tranh chấp, biện pháp kỹ thuật đối với thương mại,... đều được thống nhất đảm bảo cân bằng lợi ích, phù hợp với quy định pháp luật trong nước và không ảnh hưởng đến các cuộc đàm phán khác của Việt Nam hiện nay.

# Tác động từ Hiệp định AKFTA & VKFTA

## Tác động chung

Hiệp định AKFTA & VKFTA hiện nay là văn bản pháp lý toàn diện nhất cho quan hệ hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Hàn Quốc

Hiệp định AKFTA & VKFTA có một số tác động tích cực lên hai nước, mức tác động lên hai nước khác nhau, phụ thuộc vào trình độ phát triển, cơ cấu và khả năng hấp thụ của nền kinh tế.

Hiệp định AKFTA & VKFTA cũng có những hạn chế trong việc cân bằng thương mại song phương, do bị ảnh hưởng phần lớn bởi cấu trúc kinh tế khác nhau và việc gia tăng đầu tư của Hàn Quốc sang Việt Nam

## Tác động của Thương mại Dịch vụ

Cải thiện tính minh bạch, tính có thể dự đoán

Tạo cơ sở pháp lý để thúc đẩy đầu tư vốn và công nghệ từ các nhà đầu tư Hàn Quốc vào một số hoạt động cung ứng dịch vụ giá trị gia tăng

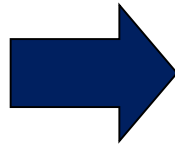
Nhân tố hỗ trợ cho thương mại hàng hóa

Nâng cao khả năng cạnh tranh của các nhà cung cấp dịch vụ trong nước

Góp phần  
mở rộng  
thương mại  
song phương

## Tác động từ Hiệp định AKFTA & VKFTA

Một số lĩnh vực cụ thể



Dịch vụ  
Du lịch

Dịch vụ  
Tài chính

Dịch vụ  
Vận tải

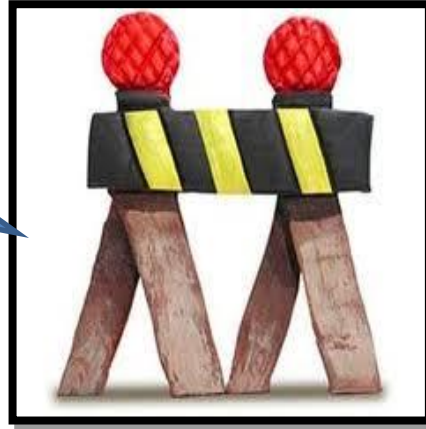
Dịch vụ  
Viễn thông



Có nhiều tiềm năng tạo ra các tác động rõ ràng đối với thương mại hàng hóa

## Tác động từ Hiệp định AKFTA & VKFTA

Cam kết của Hàn Quốc trong VKFTA theo hướng cao như trong WTO/DDA công



Năng lực cạnh tranh hạn chế doanh nghiệp VN

Các nhà cung cấp dịch vụ của Việt Nam cần hợp tác với doanh nghiệp Hàn Quốc để khai thác một số lĩnh vực dịch vụ tiềm năng như Pháp lý, Chuyển phát, chuyển lưu lượng quốc tế về Việt Nam và ngược lại,....

## Tác động từ Hiệp định AKFTA & VKFTA

### Tác động từ cam kết Đầu tư

Các cam kết trong Chương đầu tư phù hợp với Hiến pháp và các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Chương Đầu tư cùng với các cam kết khác của Hiệp định VKFTA tạo ra môi trường đầu tư thông thoáng, ổn định, phù hợp với thông lệ quốc tế, góp phần thu hút đầu tư từ Hàn Quốc, một trong những mục tiêu quan trọng của việc đàm phán, ký kết và thực hiện Hiệp định VKFTA. Tuy nhiên, cần phải thấy rằng tác động của Hiệp định đầu tư đối với môi trường đầu tư ở Việt Nam phụ thuộc đáng kể vào các yếu tố bên ngoài hơn là vào bản thân các cam kết trong hiệp định. Các yếu tố này bao gồm:



**Bản chất của đầu tư**



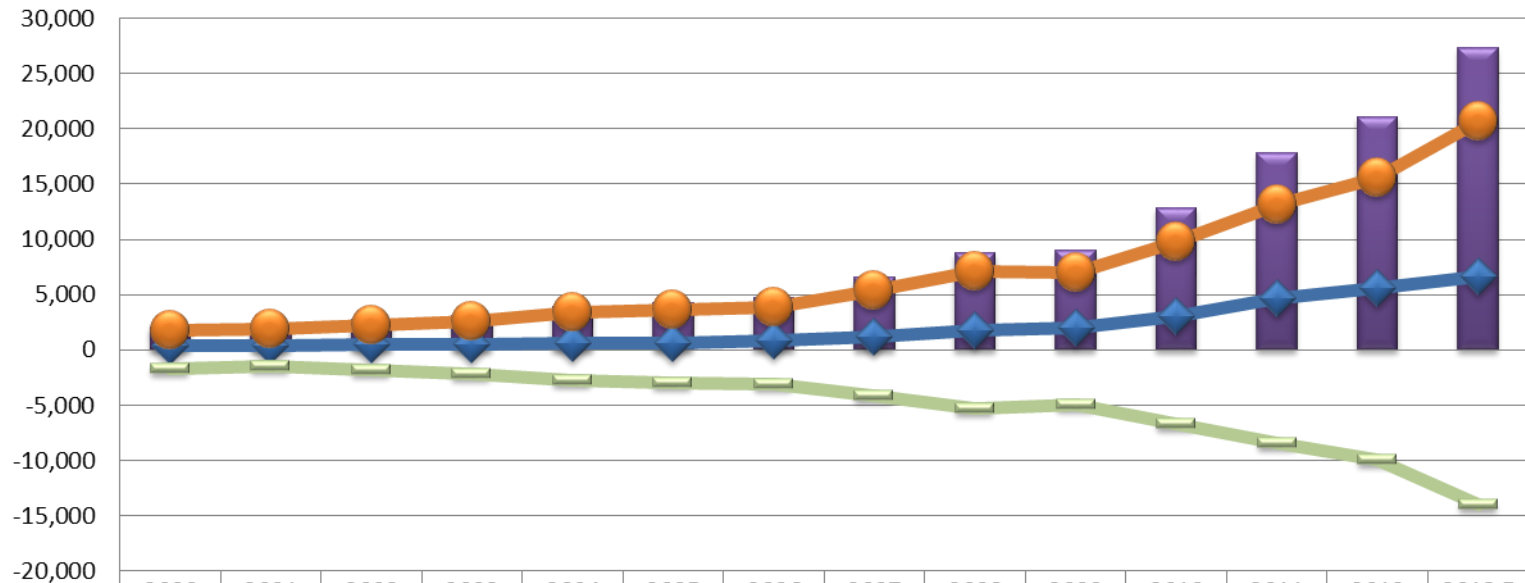
**Chất lượng thực tại của môi trường đầu tư ở Việt Nam**



**Vị trí địa lý và năng lực cạnh tranh so với các quốc gia khác trong khu vực**

## Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

**Quan hệ thương mại song phương tăng trưởng đáng kể trong hơn 2 thập kỷ qua. Thương mại hai chiều đã tăng hơn 57 lần, từ 0,5 tỷ USD năm 1992 lên 28,8 tỷ USD năm 2014. Năm 2014, Hàn Quốc là đối tác thương mại lớn thứ 3 của Việt Nam, và Việt Nam là thị trường xuất khẩu lớn thứ 6 của Hàn Quốc.**

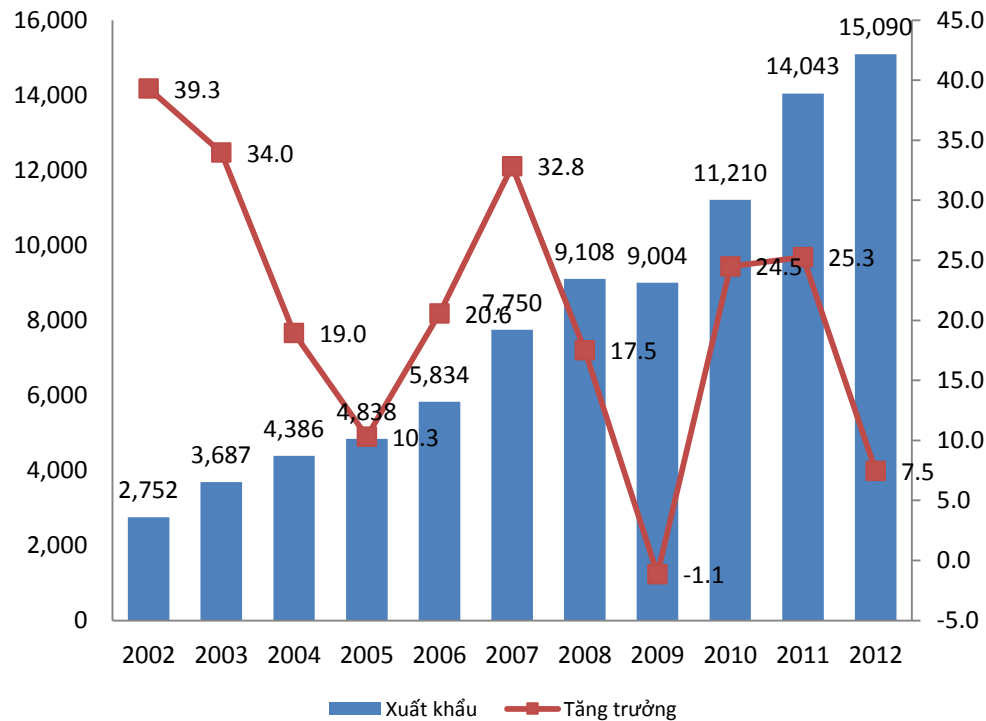


Tổng kim ngạch	2,082	2,299	2,751	3,116	3,967	4,258	4,751	6,587	8,850	9,040	12,853	17,891	21,116	27,400
Xuất khẩu	352	406	466	492	608	664	843	1,253	1,784	2,064	3,092	4,715	5,580	6,700
Nhập khẩu	1,730	1,893	2,285	2,624	3,359	3,594	3,908	5,334	7,066	6,976	9,761	13,176	15,536	20,700
Nhập siêu	-1,730	-1,487	-1,819	-2,132	-2,751	-2,930	-3,065	-4,081	-5,282	-4,912	-6,669	-8,461	-9,956	-14,000

# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

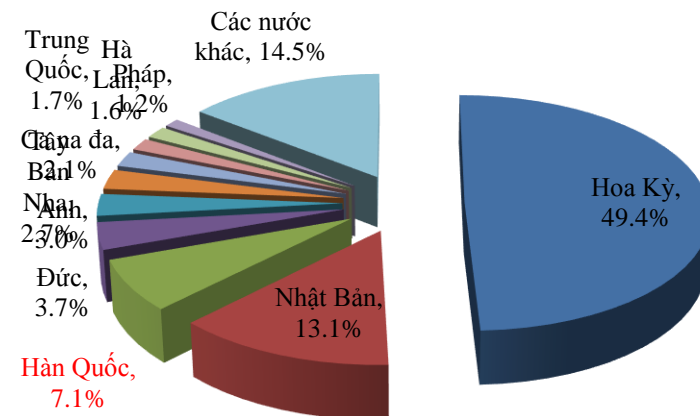
## Hàng dệt may

### Tình hình xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam



(Đơn vị: triệu USD)

### Cơ cấu thị trường xuất khẩu dệt, may của Việt Nam năm 2012





# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

## Hàng dệt may

### Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt may của Việt Nam sang Hàn Quốc

*(Đơn vị: 1.000 USD, %)*

	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
<b>Kim ngạch</b>	67.472	63.237	49.477	82.900	85.250	139.337	242.486	431.633	899.949	1.068.908	1.646.504
<b>Tăng/giảm</b>	-27,1	-6,3	-21,8	67,6	2,8	63,4	74,0	78,0	108,5	18,8	54,0

*(Nguồn: Tổng cục Hải quan)*

**Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt, may của Việt Nam sang Hàn Quốc giảm liên tục từ 2002-2005. Sau đó tăng mạnh trong giai đoạn 2007-2011**

# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

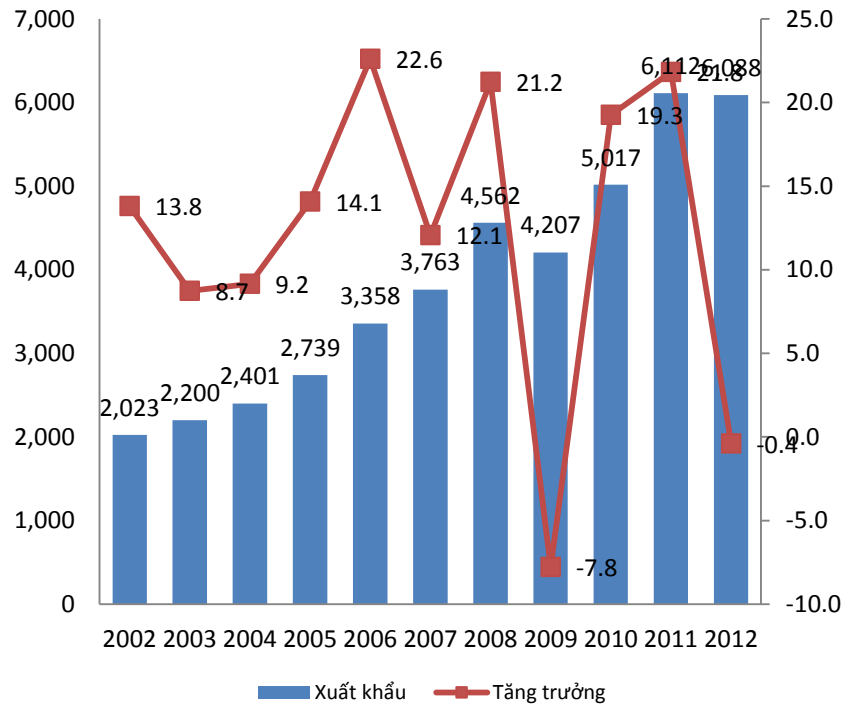
## Cam kết của Hàn Quốc đối với hàng dệt may

Mã HS	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
4410119000	Loại khác	8	Y-1
4411149000	Loại khác	0	0
4411921000	Chưa gia công hoặc chưa được phủ bề mặt	8	Y-10
4412311000	Độ dày nhỏ hơn 3,2mm	8	Y-5
4412324000	Độ dày dưới 10mm nhưng trên 6mm	10	Y-10
4412325000	Độ dày dưới 12mm nhưng trên 10mm	10	Y-10
4412326000	Độ dày dưới 15mm nhưng trên 12mm	10	Y-10
4412327000	Độ dày trên 15mm	10	Y-7
4412391090	Loại khác	10	Y-7
4412399090	Loại khác	10	Y-7
4412941000	Tấm khối	0	0
4412991031	Độ dày tổng toàn bộ trên 6mm với mỗi lớp có độ dày không quá 6mm	10	Y-5
4412992010	Độ dày tổng toàn bộ trên 6mm với mỗi lớp có độ dày không quá 6mm	10	Y-5
4412992090	Loại khác	8	Y-5
4412999191	Độ dày tổng toàn bộ trên 6mm với mỗi lớp có độ dày không quá 6mm	10	Y-7
4412999291	Độ dày tổng toàn bộ trên 6mm với mỗi lớp có độ dày không quá 6mm	10	Y-5
4412999299	Loại khác	8	Y-5

# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

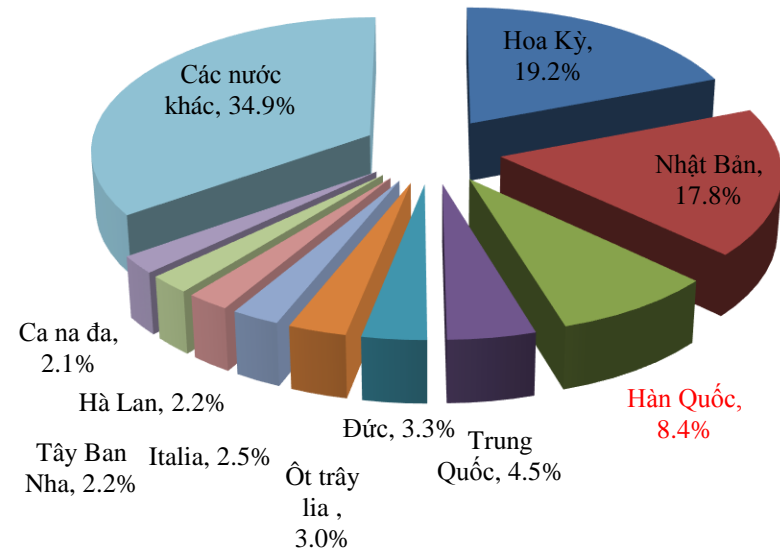
## Nhóm hàng thủy sản

### Tình hình xuất khẩu thủy sản của Việt Nam



(Đơn vị: triệu USD)

### Cơ cấu thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2012



# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

## Nhóm hàng thủy sản

### Kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Hàn Quốc

(Đơn vị: 1.000 USD, %)

	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
<b>Kim ngạch</b>	127.953	142.147	162.109	210.787	274.968	301.832	312.844	388.650	490.261	509.558
<b>Tăng/giảm</b>	9,7	11,1	14,0	30,0	30,4	9,8	3,6	42,2	26,1	3,9

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

- Kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam sang Hàn Quốc tăng khá giai đoạn 2004-2007, tăng mạnh các năm 2006, 2007. Trong các năm 2008, 2009 có xu hướng giảm. Tuy nhiên bước sang năm 2010 và 2011 xuất khẩu thủy sản đã tăng mạnh trở lại.
- Một số nguyên nhân: 1) nhu cầu tiêu thụ hàng thủy sản Hàn Quốc tăng, năng lực của các doanh nghiệp Việt Nam được cải thiện; 2) Tăng cường hợp tác kiểm dịch chất lượng giữa hai nước; 3) Các cam kết mở cửa thị trường theo AKFTA có hiệu lực.

# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

## Nhóm hàng Nông Thủy sản

### Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính sang Hàn Quốc

(Đơn vị: triệu USD, %)

Mặt hàng	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Thủy sản	302	312 (+3,3)	388 (+24,3)	490 (+26,1)	509 (+3,9)
Cà phê	83	46 (-44,5)	51 (+10,8)	66 (+28,9)	72 (+8,8)
Hạt tiêu	5,9	5,3 (-10,2)	8,4 (+58,4)	14 (+61,9)	18 (+35)
Rau, hoa quả	11	8,4 (-23,6)	11,4 (+35,7)	19 (+64,3)	22 (+19,3)
Cao su	63	40 (-36,5)	97 (+142,5)	130 (+33,1)	112 (-13,7)
Gỗ và SP gỗ	102	95 (-6,8)	138 (+45,2)	183 (+32,5)	229 (+24,6)

# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

## Cam kết của Hàn Quốc đối với hàng Thủy sản

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0301992000	Đuôi vàng	10	Y-5
0301995000	Cá trình biển	10	Y-5
0301996000	Cá chình răng nhọn	10	Y-3
0301997000	Cá mút đá myxin	10	Y-5
0302220000	Cá bơn sao ( <i>Pleuronectes platessa</i> )	20	Y-3
0302240000	Cá bơn Turbot ( <i>Psetta maxima</i> )	20	Y-3
0302290000	Loại khác	20	Y-3
0302310000	Cá ngừ vây dài ( <i>Thunnus alalunga</i> )	20	Y-3
0302320000	Cá ngừ vây vàng ( <i>Thunnus albacares</i> )	20	Y-3
0302352000	Cá ngừ vây xanh Thái Bình Dương ( <i>Thunnus orientalis</i> )	20	Y-3
0302390000	Loại khác	20	Y-3
0302891000	Đuôi vàng	20	Y-3
0303310000	Cá bơn lưỡi ngựa ( <i>Halibut</i> ) ( <i>Reinhardtius hippoglossoides</i> , <i>Hippoglossus hippoglossus</i> , <i>Hippoglossus stenolepis</i> )	10	Y-3
0303320000	Cá bơn sao ( <i>Pleuronectes platessa</i> )	10	Y-3
0303340000	Cá bơn Turbot ( <i>Psetta maxima</i> )	10	Y-3
0303530000	Cá trích dầu ( <i>Sardina pilchardus</i> , <i>Sardinops spp.</i> ), cá trích xương ( <i>Sardinella spp.</i> ), cá trích kê hoặc cá trích com ( <i>Sprattus sprattus</i> )	10	Y-3
0303899050	Cá quân (bao gồm cả cá rô biển Thái Bình Dương)	10	Y-5
0303899070	Cá mút đá (Thái Bình Dương, Đại Tây Dương)	10	Y-5
0305202000	Sẹ và bọc trứng cá, làm khô	20	Y-3

# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

## Cam kết của Hàn Quốc đối với hàng Thủy sản

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0305640000	Cá rô phi ( <i>Oreochromis</i> spp.), cá da trơn ( <i>Pangasius</i> spp., <i>Silurus</i> spp., <i>Clarias</i> spp., <i>Ictalurus</i> spp.), cá chép ( <i>Cyprinus carpio</i> , <i>Carassius</i> <i>Carassius</i> , <i>Ctenopharyngodon idellus</i> , <i>Hypophthalmichthys</i> spp., <i>Cirrhinus</i> spp., <i>Mylopharyngodon piceus</i> ), cá chình ( <i>Anguilla</i> spp.), cá chêm ( <i>Lates niloticus</i> ) và cá quả (hoặc cá chuối, cá lóc) ( <i>Channa</i> spp.)	20	Y-3
0305696000	Corvina vàng	20	Y-5
0305713000	Muối hoặc ngâm nước muối	20	Y-3
0307411000	Mực nang	10	Y-5
0307712090	Loại khác	20	Y-3
0307791030	Hến	20	Y-5
0307793020	Hến	20	Y-5
0307793090	Loại khác	20	Y-3
0307893000	Muối hoặc ngâm nước muối	20	Y-3
0307991900	Loại khác	20	Y-10
0307993900	Loại khác	20	Y-3
0308302000	Đông lạnh	20	Y-3
0308902090	Loại khác	20	Y-3

# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

## Cam kết của Hàn Quốc đối với hàng Nông Thủy sản

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0303230000	Cá rô phi ( <i>Oreochromis spp.</i> )		10 Y-10
0303290000	Loại khác		10 Y-10
0303550000	Cá nục gai và cá sòng ( <i>Trachurus spp.</i> )		10 Y-10
0303893090	Loại khác		10 Y-10
306149090	Cua		14 Y-10
0306273000	Muối hoặc ngâm nước muối	38% hoặc 256won/kg, theo thuế suất cao hơn	Y-10
0409000000	Mật ong tự nhiên.	243% hoặc 1,864won/kg, theo thuế suất cao hơn	Y-15
0713329000	Loại khác		420.8 Y-15
0802320000	Đã bóc vỏ		30 Y-10
1108191000	Từ khoai lang		241.2 Y-15
1212215010	Muối		20 Y-10
1604141019	Loại khác		20 Y-10
1604149000	Loại khác		20 Y-10





# Cơ hội tiếp cận thị trường Hàn Quốc thông qua Hiệp định AKFTA & VKFTA

## Cam kết của Hàn Quốc đối với hàng trái cây

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0803900000	Loại khác	30	Y-10
0804300000	Quả dứa	30	Y-10
0804501000	Ổi	30	Y-10
0804502000	Xoài	30	Y-10
0804503000	Mãng cụt	30	Y-10
0807200000	Quả đu đủ	30	Y-10
0810600000	Quả sầu riêng	45	Y-10
0810909000	Loại khác	45	Y-10
0811909000	Loại khác	30	Y-10
0813409000	Loại khác	45	Y-10
2008200000	Dứa	45	Y-10
2008971010	Trong thùng kín, thêm đường	50	Y-10
2008979000	Loại khác	45	Y-10
2008999000	Loại khác	45	Y-10
2009891090	Loại khác	50	Y-10

HS Code	Mô tả	Thuế suất cơ sở	Lộ trình
0710802000	Tỏi	27	Y-10
0712901000	Tỏi	360% hoặc 1,800won/kg, theo thuế suất cao hơn	Y-10
0910112000	Khô	377.3% hoặc 931won/kg, whichever is the greater	Y-10
0910119000	Loại khác	377.3% hoặc 931won/kg, whichever is the greater	Y-10
0910121000	Tươi hoặc ướp lạnh	377.3% hoặc 931won/kg, whichever is the greater	Y-10
0910122000	Khô	377.3% hoặc 931won/kg, whichever is the greater	Y-10
0910129000	Loại khác	377.3% hoặc 931won/kg, theo thuế suất cao hơn	Y-10

# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

## NGHIÊN CỨU VÀ ĐIỀU TRA THỊ TRƯỜNG

- **Làm thế nào để biết được cơ hội thị trường của sản phẩm cần bán?**
  - Thông tin mạng B2B, Trade portal Hiệp hội; Doanh nghiệp lớn
  - Hiệp hội Hàn Quốc KOIMA, KITA, KOTRA, ĐSQ (thương vụ)
- **Làm thế nào biết được thông tin của các nhà nhập khẩu và nhà phân phối?**
  - Tập đoàn phân phối lớn (phòng XNK)
  - Hệ thống các công ty thương mại, KOIMA, Kbiz, Kocharm...
- **Làm thế nào để có thể lựa chọn được thị trường ngách mà cần phát triển sản phẩm?**
  - Thị trường người tiêu dùng Việt tại Hàn Quốc
  - Sản phẩm đặc sản Việt Nam tại kênh phân phối của người Hàn

# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

## LỰA CHỌN ĐỐI TÁC THƯƠNG MẠI

- **Làm thế nào có thể lựa chọn được đối tác tin cậy?**
  - **Tập đoàn phân phối lớn như Lotte Mart, Emart, Costco...**
  - **Người giới thiệu tin cậy: ĐSQ, Hiệp hội ngành hàng, bạn hàng thân thiết...**
  - **Kiểm tra chéo.**
- **Làm thế nào để có thể đưa được sản phẩm tới người tiêu dùng Hàn Quốc?**
- **Làm thế nào để có thể duy trì được thị phần và thị trường, để phát triển bền vững tại thị trường Hàn Quốc?**
- **Làm thế nào để có thể kiểm soát được rủi ro thương mại?**

## CÁC VẤN ĐỀ CẦN LƯU TÂM

- **Vấn đề tiêu chuẩn và hợp chuẩn?**
- **Vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm?**
- **Vấn đề xuất xứ hàng hóa?**
- **Vấn đề bao bì, nhãn mác và thiết kế mẫu mã hàng hóa?**
- **Vấn đề văn hóa tiêu dùng?**

## Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

### Tra cứu thông tin về ưu đãi trong Hiệp định VKFTA

- Biểu thuế cam kết chung của Hàn Quốc và Việt Nam: <http://www.fta.go.kr/main/situation/kfta/lov3/vn/2/>
- Thuế suất đối với từng mặt hàng cụ thể <http://english.customs.go.kr/kcshome/tariff/CustomsTariffView.do>
- Quy tắc xuất xứ cho hàng xuất khẩu của Việt Nam (dự kiến sẽ ban hành khi Hiệp định VKFTA có hiệu lực)

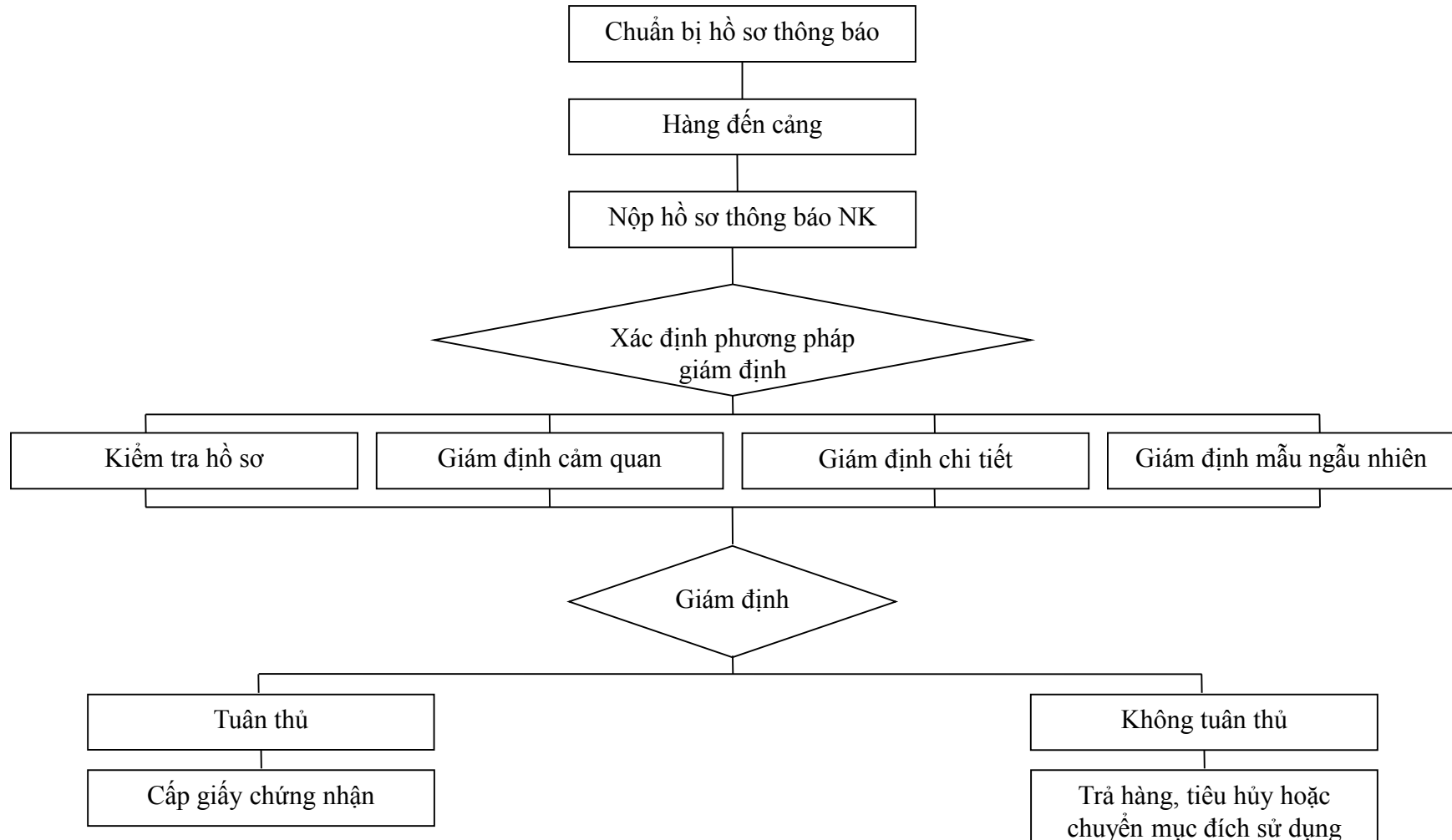
# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

Search the KCS Tariff by either entering 10 digits of the HS code or the name of the goods.

KCS Tariff D/B List							
HS CODE	GOODS NAME	DITC	REG DATE	TAX RATE	UNIT TAX	STANDARD PRICE	REG NATION
0712901000	Garlic	Concessive Duty on Agricultural etc (Recommended)	20150101~ 20151231	50.00	0.00	0	All
0712901000	Garlic		20150101~ 20151231	360.00	1800.00	0	Part
0712901000	Garlic	Basic Tariff	20150101~ 20151231	50.00	0.00	0	All
0712901000	Garlic	K-TR FTA Tariff (1)	20150101~ 20151231	360.00	1800.00	0	Part
0712901000	Garlic	Bukhansan (Mt.)	20150101~ 20151231	0.00	0.00	0	All
0712901000	Garlic	K-EU FTA Tariff (1)	20150101~ 20150630	360.00	1800.00	0	Part
0712901000	Garlic		20150101~ 20151231	360.00	1800.00	0	Part
0712901000	Garlic	K-US FTA Tariff (8)	20150101~ 20151231	360.00	0.00	0	Part
0712901000	Garlic	Concessive Duty on Agricultural etc (Non-recommended)	20150101~ 20151231	360.00	1800.00	0	All
0712901000	Garlic	K-Peru FTA Tariff (1)	20150101~ 20151231	360.00	1800.00	0	Part
0712901000	Garlic	K-US FTA Tariff (1)	20150101~ 20151231	264.00	1320.00	0	Part

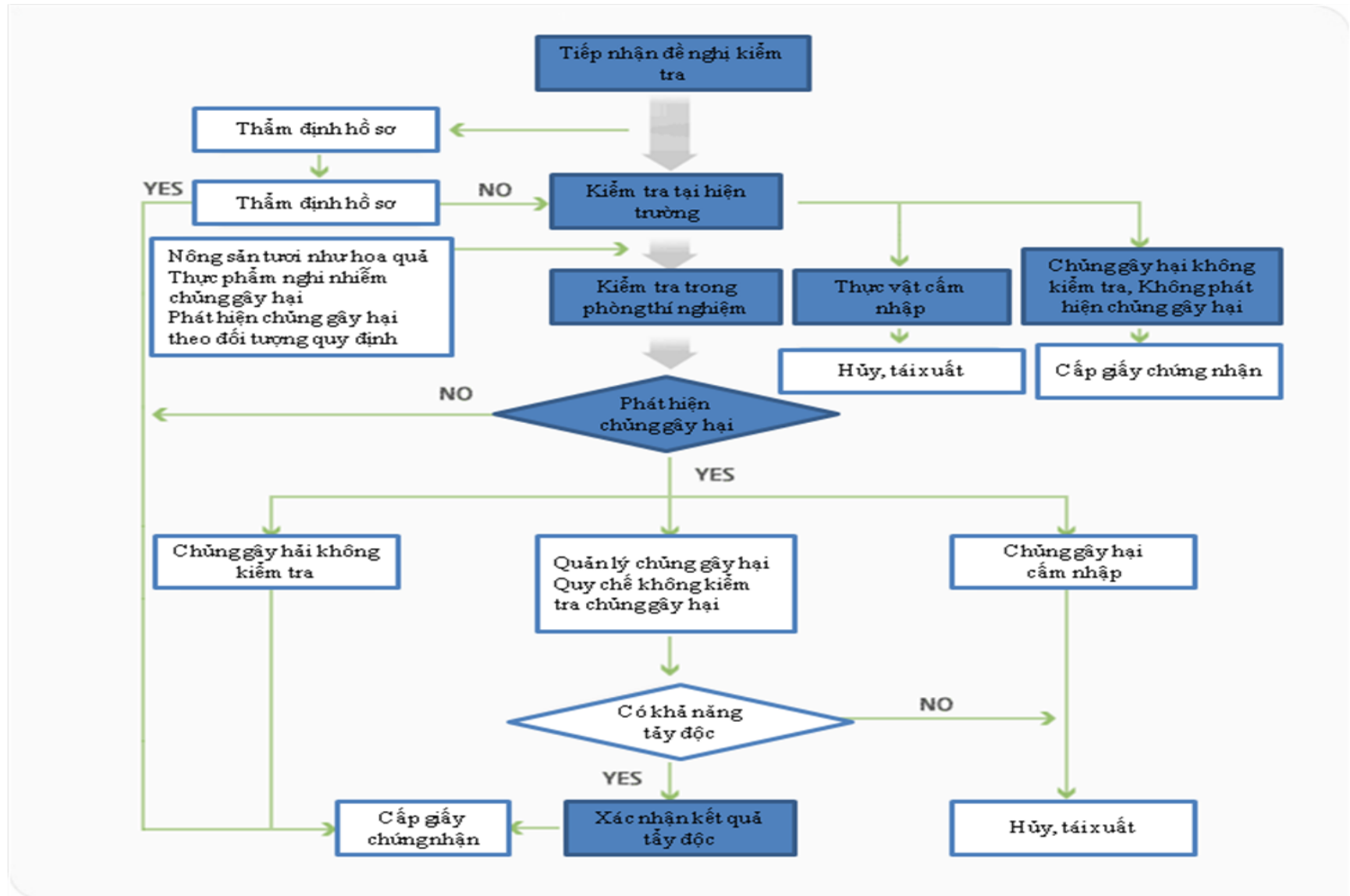
# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

## Quy trình thông báo thực phẩm nhập khẩu



Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

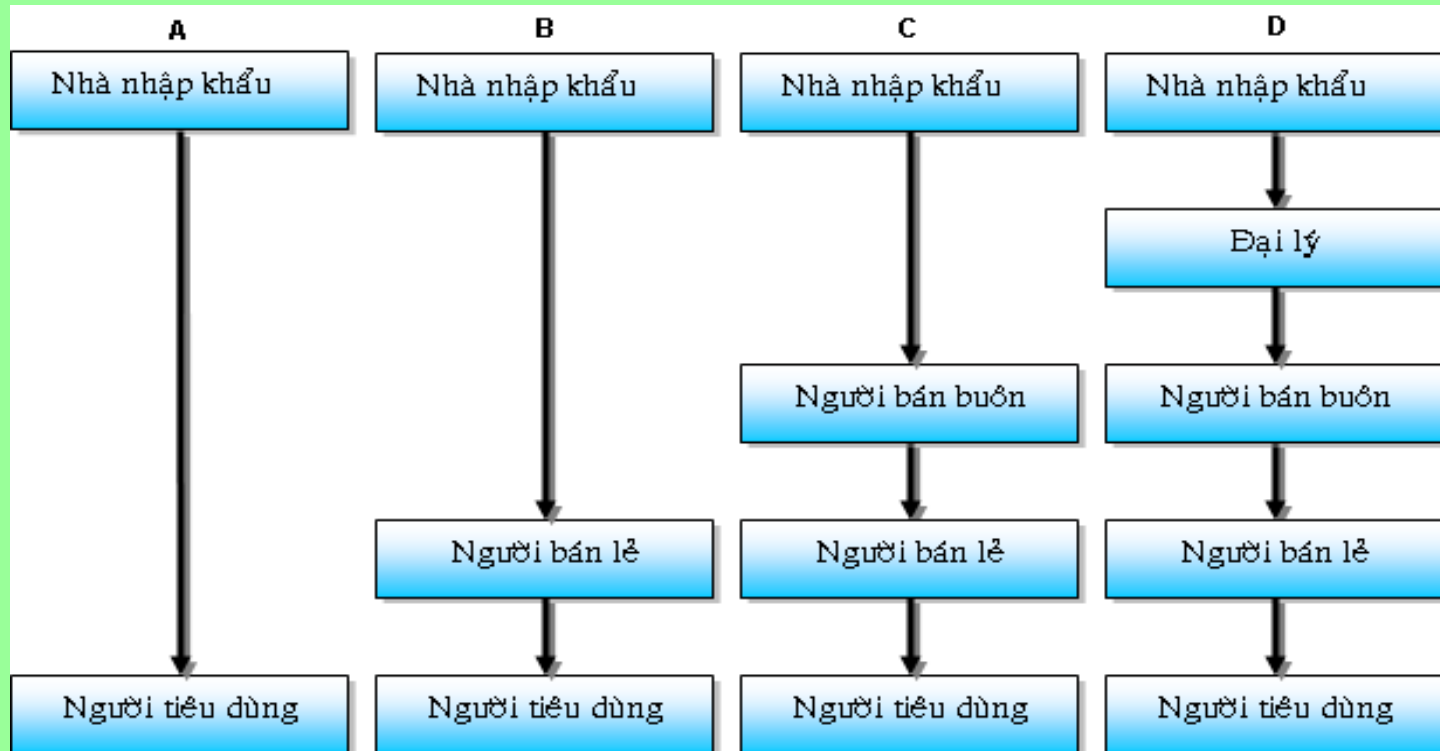
# Quy trình nhập khẩu thực phẩm có nguồn gốc thực vật





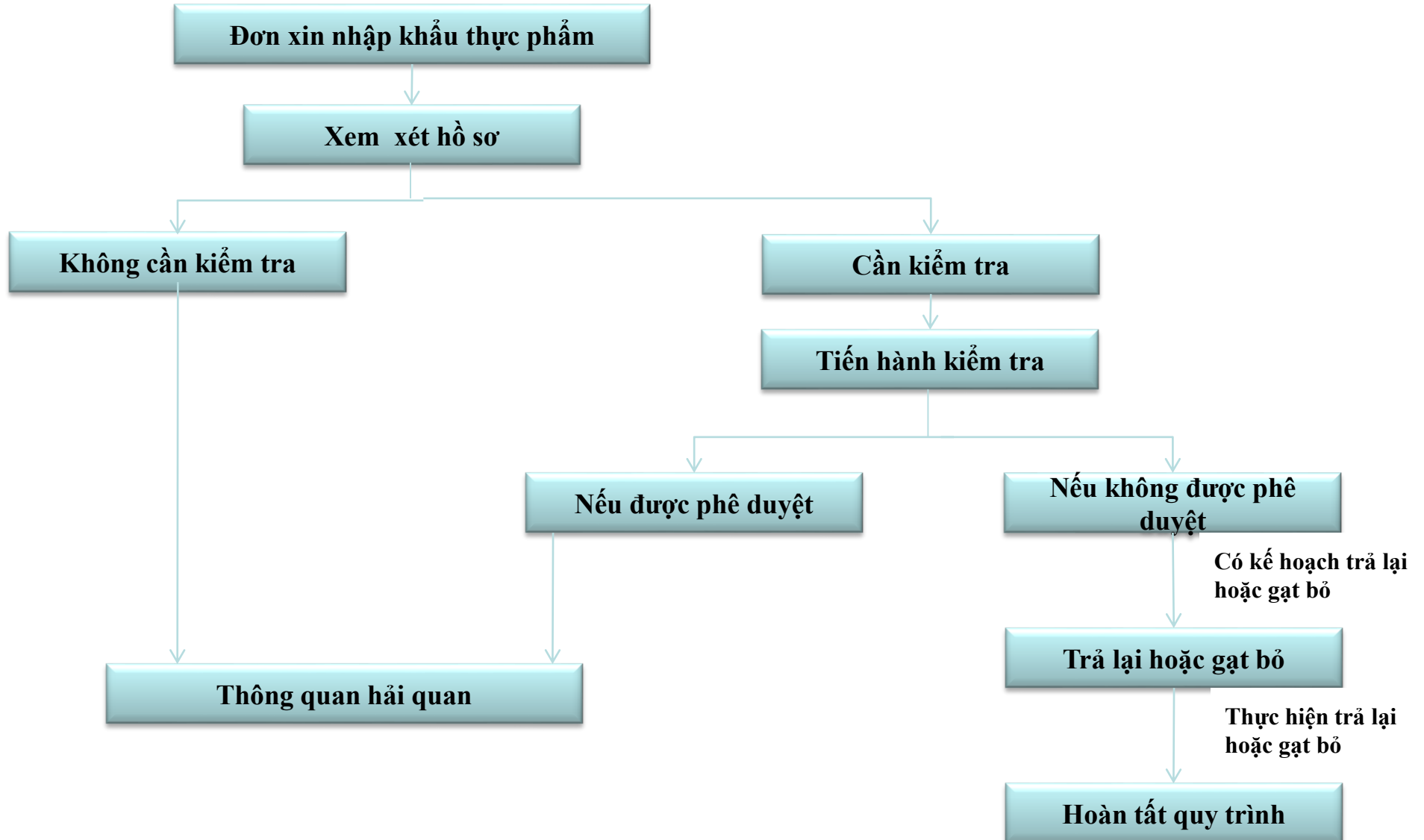
# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

## - Hệ thống phân phối phức tạp



# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

Thủ tục hành chính theo yêu cầu của Luật Vệ sinh thực phẩm

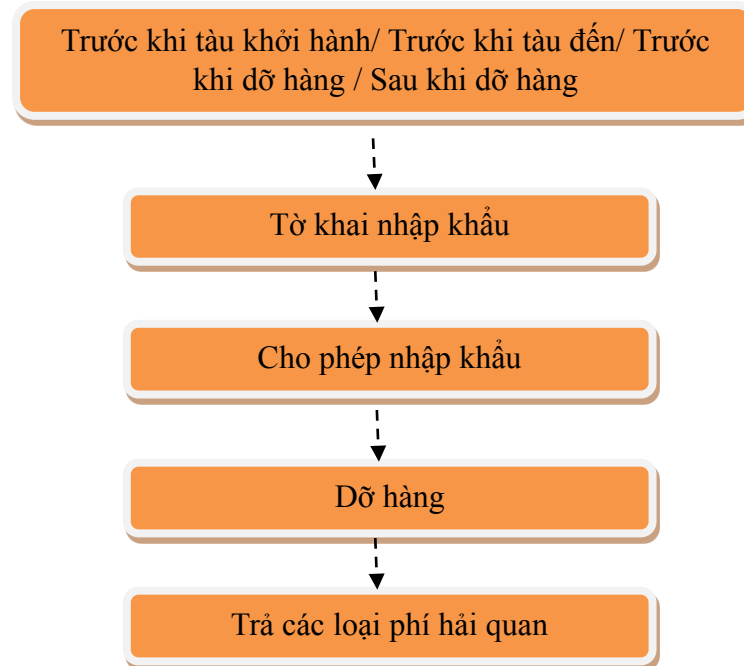


# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

## Quy trình nhập khẩu thực phẩm của Hàn Quốc

Các cơ quan liên quan đến nhập khẩu thực phẩm như: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc (KCS), Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (KFDA), Phòng kiểm dịch quốc gia (NQO) (đối với trường hợp không có Phòng kiểm dịch khu vực của KFDA), Cơ quan Kiểm dịch Kiểm tra Nông Lâm Thủy sản - Animal, Plant and Fisheries Quarantine and Inspection Agency (QIA).

*Hình 1-1: Quy trình thủ tục hải quan*



*Nguồn: Cơ quan Hải quan Hàn Quốc (KCS)*

Hình 1-2: Quy trình kiểm tra thực phẩm nhập khẩu



Nhập khẩu



Tàu cập cảng



Khai hải quan

**Thẩm định hồ sơ (2 ngày)**

1. Thẩm định báo cáo nhập khẩu thực phẩm, quá trình sản xuất, thành phần/tên nguyên liệu...
2. Kiểm tra những hạng mục ghi bằng tiếng Hàn có đúng với nội dung tại mục 1 hay không?
3. Thẩm định hồ sơ

**Kiểm tra cảm quan (3 ngày)**

- Kiểm tra những hạng mục ghi bằng tiếng Hàn đã khai báo có đúng với nội dung của sản phẩm của nước xuất khẩu hay không?
- Điều kiện và nhiệt độ bảo quản

**Kiểm tra xác suất (5 ngày)  
Kiểm tra chính xác (10 ngày)**

- Kiểm tra tiêu chuẩn quy cách và thông tin nguy hại
- Cơ quan kiểm tra
  - Kiểm tra xác suất: KFDA
  - Kiểm tra chính xác: Nhà nhập khẩu chỉ định cơ quan kiểm tra trong nước

**Kết quả kiểm tra**

**Đạt**

**Lưu thông  
trong nước**

**Không đạt**

**Tái xuất  
Hủy**

### **-Hàng rào kỹ thuật SPS**

Hàn Quốc có những quy định phức tạp về kiểm dịch đối với các mặt hàng nông sản thực phẩm như:

- Các yêu cầu về nuôi trồng, kiểm tra chứng nhận và các biện pháp xử lý tại chỗ.
- Thủ tục đánh giá rủi ro quá dài.

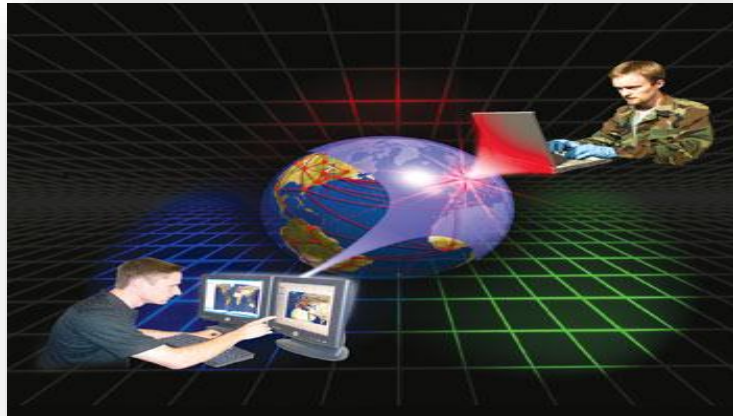
*(Sau 5 năm, từ năm 2005 đến năm 2010 Chính phủ Hàn Quốc mới cho phép nhập khẩu thanh long từ Việt Nam)*

### **-Một số quy định còn chưa rõ ràng**

(như quy định trong Luật Thực phẩm liên quan đến tiêu chuẩn của sản phẩm từ gạo nâu chín như bánh đa nem, bánh tráng, bánh phở,...)

# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

Chi phí xúc tiến thương mại, điều tra thị trường rất cao (Phí dịch vụ điều tra thị trường, tham gia hội chợ, khách sạn, đi lại, ăn uống...)



# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

## Nắm bắt thông tin thị trường và hiểu biết tập quán kinh doanh của người Hàn Quốc

### *Thị hiếu tiêu dùng luôn thay đổi*



### *Trực điện thoại công ty*



### *Văn hóa danh thiếp*



### *Catalogue*



## Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

**Chuẩn bị các thông tin khách hàng trước khi đi dự Hội chợ ngành hàng tại Hàn Quốc sẽ giúp đạt hiệu quả đàm phán và tiết kiệm được nhiều chi phí.**

**Hiểu biết thấu đáo về văn hóa, tập quán kinh doanh của Hàn Quốc là vô cùng quan trọng.**

*Các sử dụng Danh thiếp, catalogue công ty, đúng hẹn là những yếu tố không thể thiếu để tạo lòng tin từ lần gặp gỡ đầu tiên.*



## Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

**Tận dụng các kênh hỗ trợ của Việt Nam và Hàn Quốc (Thương vụ Việt Nam, KOTRA, các hiệp hội ngành hàng...)**

**Khai thác triệt để ưu đãi do các Hiệp định song phương, đa phương mang lại.**

**Hiểu biết các quy định, tiêu chuẩn VSATTP và thực tế kiểm dịch tại Hàn Quốc sẽ giúp cung cấp được sản phẩm ổn định chất lượng, hạn chế bị trả lại hàng, rút ngắn thời gian kiểm dịch.**

## Lưu ý khi tiếp cận thị trường Hàn Quốc đối với một số mặt hàng cụ thể (1)

- Thủy sản:
  - Thỏa thuận về hợp tác kiểm dịch giữa NAFIQAD và QIA
  - Sự tham gia của KFDA
  - Cam kết mở cửa thị trường của Hàn Quốc trong AKFTA và VKFTA
  - Thay đổi mã HS đối với một số mặt hàng thủy sản trong năm 2012

## Lưu ý khi tiếp cận thị trường Hàn Quốc đối với một số mặt hàng cụ thể (2)

- Rau quả
  - Nhập khẩu hoa quả tươi được xét theo từng loại quả
  - Trường hợp quả thanh long
  - Cạnh tranh với các đối thủ khác
- Sắn
  - Thuế ngoài hạn ngạch rất cao (887,4%)
  - Hạn ngạch quy định là tự nguyện, được phân bổ từng năm

## Lưu ý khi tiếp cận thị trường Hàn Quốc đối với một số mặt hàng cụ thể (1)

- Gạo
  - Phân bổ hạn ngạch
  - Quy định về đối tượng tham gia dự thầu
  - Đặt cọc thực hiện hợp đồng
  - Điều kiện giao nhận hàng
  - Quy cách chất lượng gạo dự thầu

# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

## 1. NHÓM HÀNG DỆT MAY & GIÀY DÉP

- Tận dụng các ưu đãi trong AKFTA và VKFTA;
- Các nhà đầu tư Hàn Quốc trong lĩnh vực này tại Việt Nam
- Chuyển dịch các đơn hàng hiệu quốc tế sang Việt Nam

## 2. NHÓM HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM TƯƠI SỐNG VÀ CHẾ BIẾN

- Thị trường có sức tiêu thụ lớn, đa dạng và giá trị gia tăng cao;
- Xu hướng nhà đầu tư Hàn Quốc chuyển nhà máy sang vùng nguyên liệu;
- Cạnh tranh nguồn cung chất lượng cao.

## 3. NHÓM HÀNG GIA DỤNG

- Xu hướng nhà đầu tư Hàn Quốc chuyển nhà máy sang vùng nguyên liệu;

## 4. NHÓM HÀNG THỦY SẢN TƯƠI SỐNG VÀ CHẾ BIẾN SÂU

- Thị trường nhu cầu cao về hàng thủy sản (tươi sống và đông lạnh);
- Nguồn cung ổn định và khả năng chế biến được nâng cao;
- Uy tín thủy sản tươi sống Việt Nam tương đối tốt so với các nguồn cung khác (TQ).

### **5. NHÓM HÀNG NGŨ CỐC CHẾ BIẾN**

- Việt Nam đang dần trở thành cơ sở chế biến ngũ cốc tại khu vực;
- Doanh nghiệp Hàn Quốc đầu tư trong lĩnh vực

### **6. NHÓM HÀNG ĐIỆN TỬ, THIẾT BỊ ĐIỆN**

### **7. NHÓM HÀNG VẬT LIỆU XÂY DỰNG NGUỒN GỐC TỰ NHIÊN**

### **8. NHÓM HÀNG MÁY MÓC THIẾT BỊ, CÔNG CỤ CHẾ TẠO VÀ PHỤ TÙNG**

# Những vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc

## 1. TÂM LÝ VÀ ĐỊNH KIẾN TIÊU DÙNG CỦA NGƯỜI HÀN QUỐC

- Hàng Việt Nam chất lượng không tốt, không đảm bảo vệ sinh; Hàng Hàn Quốc chất lượng số 1.
- Niềm tự hào dân tộc về sản phẩm nông sản thực phẩm...

## 2. BẢO HỘ CỦA NHÀ NƯỚC VỚI SẢN PHẨM NÔNG SẢN

- Hàn Quốc có bảo hộ cao đối với các mặt hàng nông sản, gia súc, gia cầm, sản phẩm sữa, hoa quả, cây công nghiệp, sản lát, tinh bột, vừng, khoai tây, khoai lang, tỏi, ớt, hạt tiêu, đậu, lúa mì, lúa mạch...
- Áp dụng các biện pháp như TRQs, thuế theo mùa,

## 3. HÀNG RÀO TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG (TBTs, IPRs)

## 4. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI PHỨC TẠP

- Hàng trăm đại siêu thị (Hypermarket), hàng nghìn siêu thị lớn nhỏ (Supermarket; Minimart); hàng chục ngàn cửa hàng tiện ích và hàng trăm ngàn cửa hàng gia đình đã khiến sự cạnh tranh và hệ thống hóa cao độ kênh phân phối;
- Hệ thống nhập khẩu, mua hàng và bảo quản phức tạp...

## 5. THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH VÀ YÊU CẦU CAO VỀ GIÁ TRỊ

## MFDS (Ministry of Food & Drug Safety)

### 1.FOOD

"The Food Safety Bureau of the KFDA is responsible for all the food safety activities regarding policy, enforcement, inspection and surveillance, nationwide monitoring of contaminants in food, to protect the health of the consumers by ensuring the safety of foods from farm to table"

#### *Topics & Activities Ensuring Food Safety*

- Foodborne Disease Surveillance and Prevention Activities
- Food Additives
- Health Functional Foods
- The Special Act on the Safety Management of Children's Dietary Life
- Imported food Safety
- International Cooperation



## **MFDS (Ministry of Food & Drug Safety)**

### **2. AGRO-LIVESTOCK AND FISHERY**

Implementation Policy for Providing Safe Agro-Livestock and Fishery Products

Establishment of country's infrastructure for ensuring that people enjoy the agro-livestock and fishery products

*Topics and Activities Livestock Products Labeling Standards*

- The Korean National Residue Program for meats
- The sanitary management for livestock products

### **3. DRUG**

- Pharmaceutical safety control
- Pharmaceutical quality control
- Safety control on Narcotics
- Pharmaceutical approval and review
- Establishment of basis for nurture and support

# Một số địa chỉ hữu ích của Hàn Quốc

## Ministry of Agriculture, Food and Rural Affairs (Mafra)

- **Livestock Product Sanitary Management Act**
- **Livestock Code**
- **Import's Health Requirement for Various Animals**
- **Plant Protection Act**
- **Import Plant Inspection Guideline**
- **Agricultural Product Quality Management Act**
- **Guidelines for Country of Origin (COO)**

**Là Bộ chủ quản của Cơ quan Giám sát và Kiểm dịch Động vật Thực vật Hàn Quốc (QIA).**

# Một số địa chỉ hữu ích của Hàn Quốc

## - ĐỊA CHỈ CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP HÀN QUỐC

- KITA – Hiệp hội ngoại thương Hàn Quốc ([www.kita.net](http://www.kita.net))
- KOIMA – Hiệp hội các nhà nhập khẩu ([www.import.or.kr](http://www.import.or.kr))
- KCCI – Phòng TM và CN Hàn Quốc ([www.korcham.net](http://www.korcham.net))
- QIA - Cơ quan Giám sát và Kiểm dịch Động vật Thực vật Hàn Quốc ([www.qia.go.kr](http://www.qia.go.kr))
- KCS – Hải Quan Hàn Quốc ([www.customs.go.kr](http://www.customs.go.kr))
- SBC – Tập đoàn Doanh nghiệp Vừa và nhỏ Hàn Quốc ([www.sbc.co.kr](http://www.sbc.co.kr))
- KBIZ – Nghiệp đoàn doanh nghiệp nhỏ và vừa Hàn Quốc ([www.kbiz.or.kr](http://www.kbiz.or.kr))
- Mạng tin tổng hợp Hàn Quốc [www.korea.net](http://www.korea.net)

## Một số địa chỉ hữu ích của Việt Nam

- **VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG, BỘ CÔNG THƯƠNG**  
Tel: 04 2220 5423 Fax: 04 2220 5518  
Email: [vcatbd@moit.gov.vn](mailto:vcatbd@moit.gov.vn)
- **CỤC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI, BỘ CÔNG THƯƠNG**  
Tel: 04 3934 7628 Fax: 04 3934 8142
- **CỤC XUẤT NHẬP KHẨU, BỘ CÔNG THƯƠNG**  
Tel: 04 3934 7628 Fax: 04 3934 8142
- **THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC**  
Tel: (822) 362-2013 / 364-3661 / 364-3662 Fax: (822) 364-3664  
Email: [kr@moit.gov.vn](mailto:kr@moit.gov.vn)
- **PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP HÀN QUỐC (KCCI)**  
Tel: (822) 3163114 Fax: (822) 7579475  
Email: [trade@korcham.net](mailto:trade@korcham.net) Website: <http://www.korcham.net>  
Văn phòng đại diện tại Hà Nội:  
Địa chỉ: Tầng 9, Trung tâm Deaha Business, số 360 Kim Mã, Quận Ba Đình Hà Nội  
Tel: 04-3771-3719 Fax: 04-3771-3719



Chúc thành công  
Xin chân thành cảm ơn!